



VIỆT VIỆT-HOIC

BAN SỬU- NỮA VIỆT-NAM

Giảng-khoa : NĂM-CÔNG VE LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

Phủi-trách : Giảng-số Trần Gia-Phung

TIẾT 4

QUỐC-HIỆU NƯỚC VIỆT

1.- NĂM COÀ VIỆT (968-1053)

Sau một thời gian dài tranh đấu liên tục từ thời **Hai Bà Trưng** để thoát khỏi sự nô hóa của Trung Hoa, nước ta chính thức độc lập khi **Ngoà Quyền** đánh đuổi quân Nam Hán năm 938 (mùa thu), và xống võng năm 939 (kỳ hội), nâng ngôi ở Cổ Loa (ngay nay nằm ở huyện Nông An, Phúc Yên), nhà Ngô Quyền chĩa nãt quốc hiệu riêng cho nước của mình.

Lúc nội Trung Hoa là nước trỗi dậy nhà họ Hồ nước ta, đang làm vào tình trạng hết sức xáo trộn gọi là Người Quy hay Người Nãi, nghĩa là năm hai kết tiếp nhau cai trị Trung-Hoa. Năm 907 (tân đầu), Chu Toàn Trung là hoàng đế Tống (618-906), lập ra nhà Hậu Lương (907-923). Sau nhà Hậu Lương nên Hậu Tống (923-935), Hậu Tấn (936-947), Hậu Hán (948-950), Hậu Chu (951-959). Năm 960 (canh thân), Triệu Khuông Dã cầm đầu nhà Hậu Chu, lên ngôi vua là Tống Thái Tổ (trò vì 960-975), lập ra nhà Tống (960-1278). Chính quyền trung ương mới của Trung Hoa bắt đầu với việc tái thống nhất nó bởi nên chĩa dom ngoi xuống nước của Việt. Nhờ thế nước của Việt không bị làm cho đi sau khi Ngô Quyền xống võng, và nhà họ Lê khi loan sự quân xấy ra.

Đẹp xong loạn sự quân, **Ninh Bình Lữ** lên ngôi vua năm 968 (mùa xuân), nãt quốc hiệu là **Nãi Coà Việt**, nâng ngôi ở Hoa Lô (Ninh Bình). Nhờ thế không kẻ giai nôan truyên thuyết trước thời Hai Bà Trưng, quốc hiệu nãt tiên của nước ta là Nãi Coà Việt.

Quốc hiệu này là một danh từ ghép, gồm ba chữ "Nãi", "Coà", và "Việt", trong đó "Nãi" là một từ gốc Nho Việt nghĩa là lớn.

Có hai cách giải thích chữ "Coà". Cách giải thích thông nhất xem "Coà" là một tiếng thuần Nôm. Theo *Nãi Nam quốc âm từ vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của, xuất bản tại Sài Gòn năm 1896, quyển I, trang 177 thì "Coà" là lớn, ví dụ từ coà gạo.

Cách giải thích thông nhất xem chữ "Coà" là một chữ Nho. Căn cứ trên cách viết quốc hiệu Nãi Coà Việt theo lối chữ Nho của Trần Trọng Kim trong *Việt-Nam sử lược*, (1) và dựa vào sách *Từ Hải*, do Thông vưi an thờ quan xuất bản tại Thông Hải (Trung Hoa) năm 1935, trang 954, chữ "Coà" gồm có ở trên hai chữ "mục" thông trống cho cặp mắt (mắt sáng), ở dưới là chữ "chuy" là tên chung của những loài chim nước ngọt. Gộp chung hai chữ "mục" và chữ "chuy" thành chữ "cui", nói trệch là "coà", có nghĩa là loài chim ổng mắt sáng, nước ngọt. Loài chim này cũng có thể là những chim cá, chim nãi bang thành thoai ngay nay còn bắt gặp trong các vùng rừng núi Việt-Nam.

"Việt" là từ gốc để chĩa chúng ta Việt trong nhóm Bách Việt. Theo sách *Hậu Hán thư*, mục "Nãi lý chí" thì: "... *Từ Giao Chẽ nên Coà Keê trên bảy ngàn dặm, người Bách Việt ở xen nhau...*" Cũng theo *Hậu Hán thư*, mục "Truyền Mai Việt" cho thấy người Lạc Việt trong nhóm Bách Việt là người Giao Chẽ. (2)

Trong sách *The Birth of Vietnam*, tác giả Keith Weller Taylor viết rằng: "... *"Nãi" là một chữ gốc Hoa có nghĩa là "lớn". "Coà" là một chữ "Nôm" viết gần giống theo âm chữ Hoa, cũng có nghĩa là "lớn".*" (3) Nếu giải thích chữ "Coà" là lớn, và theo lý giải của Taylor, thì khi nãt ứng hóa này trong toàn bộ chữ Nãi Coà Việt, chữ Nãi Coà Việt sẽ có nghĩa của chữ "Coà", vì chữ "Nãi" nãt có nghĩa là lớn rồi. Nhờ thế ứng hóa quốc hiệu Nãi Coà Việt (Lớn lớn Việt) sẽ **bị trùng lặp** (pleonasm) giống như trường hợp "trời xanh thành thiên". Trong khi nội Nãi Coà Việt là quốc hiệu thông trống cho một nước, các từ tiên nhân của chúng ta không thể qua đi để nên nên nãt một quốc hiệu với ý nghĩa trùng lặp nhờ thế.

Nếu hiểu chữ "Coà" là loài chim ổng mắt sáng thì quốc hiệu Nãi Coà Việt có ứng hóa là **"nước Việt có chim ổng lớn mắt sáng"** hoặc **"nước Việt lớn có loài chim ổng mắt sáng"**. Theo *Nam Duy Anh*, từ "Lạc" trong chữ Lạc Việt có nghĩa là con chim lạc. Ông còn quả quyết giống chim nãi nước khác trên rừng nâng và là vật tổ (totem) của

người Lạc Việt.(4) Ông này cách ly giữa của Nam Duy Anh về chữ "Lạc" giúp chúng ta càng mạnh dạn tin rằng "Cổ" trong quốc hiệu Nhai Coa Việt là một loại chim ông hay coi thể là loài bàng nước xem là chúng loài chim này biết của nước Việt, hoặc con coi thể là vua của người Việt lúc bấy giờ.(5)

Chúng ta cần lưu ý ở phía nam sông Đông Tô có nhiều giống người Việt khác nhau sinh sống nên người Trung Hoa gọi chung là **Bách Việt**, ví dụ người Việt ở Chiết Giang, Miền Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt... Tình trạng nhiều sắc tộc Việt càng làm rõ thêm ý nghĩa của quốc hiệu Nhai Coa Việt, là xối Việt coi loài chim ông mặt sáng, phân biệt với các xối Việt khác trong khu vực Bách Việt.

Khi Ninh Bô Lĩnh tại thành nhất lãnh thổ thì bên Trung Hoa, Tống Thái Tô (Triều Khuông Dân) đã chiếm nước nước ông. Năm 970 (canh ngoi), Tống Thái Tô nhìn xuống phía nam, gọi quân nhanh chiếm vùng Nam Hán. Ninh Bô Lĩnh lo ngại quân Tống sẽ sang xâm lăng nước ta nên đã gửi sứ sang xin giao hảo với nhà Tống. Tống triều theo nếp cũ phong cho Ninh Bô Lĩnh chức tiết độ sứ Tĩnh Hải.(6)

Coi lẽ nên mừng hoặc nên tim hiểu thêm phông danh Tĩnh Hải. Vào thế kỷ thứ 9, khi nước ta còn bị Trung Hoa nô hoá người Nam Chiếu ở Vạn Nam đem hải quân chiếm Giao Châu năm 863 (quy mui), giết kinh lược sứ Tàu và nhất quan cai trị. Nhà Nôông phải dời An Nam nô hoá phủ về phía đông ở Hải Môn bên Trung-Hoa.(7) Năm 865 (át đầu), nhà Nôông gọi danh tướng **Cao Biền** cầm quân sang Giao Châu nhằm nuôi nước người Nam Chiếu. Nhà Nôông thiết lập Tĩnh Hải quân (quân là một non vì quân số) ở Giao Châu và phong cho Cao Biền làm tiết độ sứ tháng 11 năm bính tuất (866). Tô ở Giao Châu nước gọi là Tĩnh Hải Quân tiết trấn. Năm 905 (át sôu), Khuê Thôn Dui, người Hồng Châu (Hải Đông ngày nay), nổi lên nắm chính, nắm chính quyền. Lúc nội triều nhà Trung Hoa đang làm việc rối loạn, vua Nôông Chiêu Tuyền (trò vì 904-907) nhanh chóng nắm chính quyền mới của người nhà phông Giao Châu, phong Khuê Thôn Dui làm **Nông binh chông sứ Tĩnh Hải Quân tiết độ** năm 906 (bính dâm).(8)

Tống triều theo hệ thống trên phong cho **Ninh Bô Lĩnh làm tiết độ sứ Tĩnh Hải**. Nhiều nay coi nghĩa là lúc nội tuy nước ta nước lập và quốc hiệu là Nhai Coa Việt, triều nhà Trung Hoa vẫn coi ta là một non vì nằm trong hệ thống tách quân số và hành chính của họ.

Năm 972 (nhâm thân), Ninh Bô Lĩnh gọi con trai trưởng là Ninh Liên cầm đầu một phái ngoại giao sang Trung-Hoa. Ninh Liên nhà khoan kheo thuyết phục nước vua nhà Tống tình hình mới ở Nhai Coa Việt không còn nhớ Tĩnh Hải quân trước này của thời nô hoá phủ nên Tống Thái Tô đã phong cho Ninh Bô Lĩnh làm **Giao Chư Quân Võng**, con Ninh Liên làm Kiểm hiệu thái sử Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ An Nam nô hoá. Bài che phông võng của Tống Thái Tô gửi cho Ninh Bô Lĩnh nhà nước Lê Túc, tại gia sứ sứ An Nam chỉ lược tóm tắt như sau:

"...Bô Lĩnh sinh tại nhà Diên Chư, giỏi tiết làm thái, hống theo phông bài, thể thể cao quy, giỏi gìn một cảnh tho phông xa, coi chí men văn hoa của Trung Quốc, thông nghĩ nên việc nô phú. Nay Côi châu thông nhất, Người lính cũng thanh bình, bên do nông thủy lực, qua lại công hiến lợi ích. Nay ta coi lời khen ngợi nhà sai con xin làm phiên thuộc, vậy phong cho cha làm quân võng, cấp tước lộc nhà biểu đồng long nhận nước khác thông, nên ghi sau này ăn của ta và chúc cho trường thọ..."(9)

Lời lẽ bài che tuy trích thõng, coi nước ta nhớ là một quân của Trung Hoa, không nhà xa nhà nước ta không còn nằm trong hệ thống trước trò của Trung-Hoa nhớ trước, và nhà nông y phông võng cho Ninh Bô Lĩnh, đầu che là quân võng.(10) Bài che này coi thể xem là một văn kiện ngoại giao nhà tiên Trung Hoa thừa nhận nên nước lập của Nhai Coa Việt, nông thời làm nên tăng cho công cuộc bang giao giữa hai nước cho nên mới cuối thế kỷ 19. Mỗi khi lên ngôi, vua nước ta thông coi lời xin vua Trung Hoa phong võng, kể cả các vua tông chiến thắng quân Trung Hoa, cũng phải coi người sang cầu phong.

2.- NĂM VIỆT (1054-1399)

Nhà Ninh (968-980) cầm quyền chẳng nước bao lâu thì bị **Lê Hoàn** (trò vì 980-1005) nắm chính, lập ra nhà Tiền Lê (980-1009).(11) Sau khi chán nông cuộc xâm lăng của nhà Tống, Lê Hoàn xin cầu phong và nước nhà Tống phong làm **Giao Chư Quân Võng** nhớ thời Ninh Bô Lĩnh.

Khi Lý Công Uẩn nắm chính là nô nhà Tiền Lê lên ngôi vua là **Lý Thái Tô** (trò vì 1010-1028), lập ra nhà Lý (1010-1225), dời đô ở Hoa Lô (Ninh Bình) ra Thăng Long, nhà vua chúa nô quốc hiệu, và vẫn che nước nhà Tống phong **Giao Chư Quân Võng** nhớ cuối. Nên nội châu nô của Lý Thái Tô là **Lý Thành Tống** (trò vì 1054-

1072), rồi lại thấy tách rời chính quyền của nước ta ngoài biên giới, vua mới lên ngôi, nhà vua quyết định đổi quốc hiệu thành **Nai Việt** năm 1054 (giáp ngọ), không nhà Tống vẫn chấp nhận làm Giao Chỉ Quận Vương.

Nhà Tống cải phong cho vua **Nai Việt** tại Giao Chỉ Quận Vương sang **An Nam Quốc Võng** vào năm 1164 (giáp thân) dưới đời vua Lý Anh Tông (trò vì 1138-1175). Nguyên vào năm 1127 (nhinh mùi), Tống Cao Tông (trò vì 1127-1162) đời nhà Tống (tên thật là Triệu Quang Phục) sai sứ sang Trung Hoa thông gởi giải oan này lại Nam Tống. Phải oan sự giải nước ta mỗi khi qua triều đình nhà Tống. Nhân việc Tống Hiếu Tông (trò vì 1162-1189) lên ngôi Tống Cao Tông, vua **Nai Việt** lại Lý Anh Tông gởi thư tạ ơn triều đình Trung Hoa về cho oan sự giải nước ta nên kinh đô của Tống năm 1164 (giáp thân). Vua Tống không chỉ thông gởi, cũng sai sứ sang hai nước, nay oan sự giải **Nai Việt** gồm ba nước là Doãn Tông, Lý Bang Chính, Nguyễn Văn Hiến. Theo Ngô Thời Sĩ đời nhà Lê, Doãn Tông cảm ơn triều đình Tống, tạ ơn, cầu phúc, cách ông xin an nội... nên Tống Hiếu Tông khám phúc, không chỉ tên nước ta thành An Nam quốc và phong vua ta làm An Nam Quốc Võng. (12) Thế ra, lúc bấy giờ nhà Tống đang không vì sự lợi ích của nước Kim ở phía bắc, mà Tống Hiếu Tông lại nước nước **Nai Việt** có một phần lợi ích hành xử đúng theo nghi lễ ngoại giao, trả lại toàn quyền hành của vua Tống, nên vua Tống rất ông ý. Không thời vua Tống muốn về vua **Nai Việt** nên gởi một liên lạc nước ta để, tránh tình trạng nước **Nai Việt** theo gông nước Kim, tấn công ở phía nam, thì nhà Tống sẽ phải chống đỡ cả hai mặt bắc và nam. Nhiều năm nhà Lý nhà Tống làm khi đời Lý Thường Kiệt và đời Trần đem quân sang đánh các châu Khâm, Liêm và Ung năm 1075 (át mão), cho nên vua Tống mới quyết định như trên.

3.- NĂM NGU (1400-1407)

Sau khi nhà Trần bị nhà Nguyên đánh bại, Lê Quý Ly lên làm vua năm 1400 (canh thìn). Quý Ly vốn dòng dõi nước Chiết Giang bên Trung-Hoa. Ông là con của Hoàng Đạt di cư sang nước Việt vào thời nhà Tống (907-959), sinh sống tại làng Báo Ân, huyện Quỳnh Lâu, Diên Châu (Nghệ An).

Về sau, Hoàng Liêm chuyển sang ở Thanh Hoá, và làm con nuôi Lê Hoàn nên đổi sang họ Lê Liêm. Quý Ly là cháu con đời của Lê Liêm. Do nội chiến nên lên làm vua, Lê Quý Ly liên lạc với đời nhà Nguyên **Hoàng Quý Ly** (trò vì 1400), lập ra nhà Nguyên (1400-1407). Theo truyền thuyết Trung Hoa, con của Ngô Quyền lập nên nhà Lê (2256-2208 tr. CN), nước nước Ngô, nước Vua Võng nhà Chu (1122-256 tr. CN) phong cho đời nhà Trần, gởi lại Hoàng Công, sau dùng chữ Hoàng làm họ, nên Hoàng Quý Ly đặt quốc hiệu là **Nai Ngu**. (13) Rồi đời Hoàng Quý Ly nước nước ta thành một nước thành trò nhỏ thời Nguyên Thuận xa xưa bên Trung-Hoa nên mỗi nước nước là **Nai Ngu**.

Triều đình nhà Minh đời nhà Nguyên sang nhiều nghiên cứu về tình hình **Nai Ngu** và phong cho Hoàng Hải Thông (trò vì 1401-407), con của Hoàng Quý Ly, làm An Nam Quốc Võng năm 1403 (quy mùi).

Quốc hiệu **Nai Ngu** tồn tại không nước bao lâu vì năm 1407 (nhinh hồi), nhà Minh đem quân sang xâm lược **Nai Ngu**, bắt gia đình Hoàng Quý Ly về Trung Hoa an trí. (14)

4.- NĂM VIỆT (1428-1801)

Năm 1418 (mậu tuất), Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn (Thanh Hoá), mỗi nước kháng chiến chống quân Minh. Năm 1428 (mậu thân), Lê Lợi toàn thắng, lên ngôi vua đời **Lê Thái Tổ** (trò vì 1428-1433), lập ra nhà **Hậu Lê** (1428-1788), và đặt quốc hiệu là **Nai Việt** trở lại. Nhà Minh mới tìm con cháu nhà Trần lập lên làm vua. Lê Thái Tổ phải nhiều lần gởi sứ đi về cầu xin khôi phục, nhà Minh mới chịu phong cho Lê Thái Tổ làm "Quyền thời An Nam quốc sử" (quyền trông coi việc nước An Nam) tháng 11 năm tại hồi (1431). (15)

Tới đời quốc hiệu **Nai Việt** nước sử dụng cho nên khi vua Gia Long (trò vì 1802-1819) lên ngôi tại Phú Xuân (Huế) năm 1802, lập ra nhà Nguyễn (1802-1945), nước ta mới đổi quốc hiệu là **Nai Việt**.

5.- VIỆT NAM (1802-1837)

Sau khi cảm quyền, vua **Gia Long** đời nhà Lê Quang Ninh cảm ơn phải oan sự giải sang Trung Hoa xin nhà Thanh phong vương và xin đổi quốc hiệu là Nam Việt, lấy chữ "Nam" là An Nam, "Việt" là

Việt Thống.(16) Triều đình nhà Thanh không chừa quốc hiệu Nam Việt vì cho rằng Nam Việt là tên nước của Triều Nguyễn trước, bao gồm cả vùng Quảng Đông và Quảng Tây thuộc Trung Hoa ngày nay. Thanh triều yêu cầu nhà chòi "Việt" ra trước, thanh tên **Việt Nam** nên khỏi làm với tên cũ

Tháng giêng năm giáp ty (1804), nhà Thanh cử đại diện là Tể Bộ Sầm, ăn sát sứ Quảng Tây, sang Thanh Long tuyên phong Gia Long làm **Việt Nam Quốc Vương**. Vào tháng sau, Gia Long chính thức đặt quốc hiệu là Việt Nam.(17) Sau này là Chiêu tuyên cáo đặt quốc hiệu mới của vua Gia Long do Phan Huy Ích soạn:

"Xương chiếu cho thân dân trong thiên hạ nếu biết. Trăm nghé: Xóa nay các bậc nên vương đồng nước, át coi đặt quốc hiệu nên trời soi nhà mới. Hoặc nhân tên đặt lúc mới khởi lên, hoặc dùng chớinghĩa tốt đẹp. Xếp trong sách cũ nhà coi chớing cớirang.

"Nước ta, sao Dời, sao Chấn, coi Việt hưng công. Trời trời: nhà coi Văn Lang, Văn Xuân những con quekech. Nên nói Ninh Tiên Hoàng, gọi là Nại Co Việt, không ngóoi Trung Quốc vẫn gọi là Giao Chỉ.

"Trời nói nhà Ly về sau quen dung tên An Nam do nhà Tống phong cho ngày trước đặt làm hiệu nước. Tuy vậy, vẫn hoả ducoi nhà thay không trái bao đời vẫn giữ theo tên cũ thời là trái với nghĩa chân chính đồng nước vậy.

"Trăm nói theo nghiệp cũ gây đồng cớ nhà coi đặt nhà rõng nhiều hôn trước. Xem qua số sách, tuần xếp núi sông, nên đặt tên tốt nên tuyên lâu dài.

"Ban nói tên nước là Việt Nam.

"Nhà to sang Trung Quốc biết rồi

"Trên nay trời nhà, coi Việt bang bên vớing, tên hiệu tốt đẹp gọi tuyên. Heo trong bớicó nếu hớing phúc thanh minh.

"Vui thay.

"Nghĩa xuân thu nhất thống nhà tuyên khắp bốn phương, ăn huei lâu dài vaimuôn phúc cao dạy mọi ngóoi cung hớing.

"Vay báicáo rõng khắp nên mọi ngóoi nếu biết.

"Nay chiếu."

("Giáp ty xuân phùng nghé tấn kiến quốc hiệu tuyên cáo", [Mua xuân năm giáp ty vắng lệnh vua soạn bản tuyên cáo đặt quốc hiệu mới], Dục Am văn tập, q. 5, tờ 14b-15b, Trần Lê Hữu dịch.)(18)

6. NĂM NAM (1838-1945)

Gia Long từ trần vào năm 1820. Hoàng thái tử Nẫm lên thay tức vua Minh Mạng (trị vì 1820-1840). Dưới thời vua Minh Mạng, nước ta rộng hơn bao giờ cả. Chính quyền trung ương khai mở lãnh thổ. Nhà vua cải tổ nên hành chính mở cách sâu rộng, quyết định đặt quốc hiệu từ Việt Nam thành **Năm Nam** ngày 3 tháng 2 năm Mậu Tuất (1838). Nhà y lời chiếu nhà vua nói rằng: "...Nước Triều Tô [Nguyễn Kim] đồng nên cớ nghiệp ôicó Nam, nước Thái Tô [Gia Long] lấy nước cũ nhà Việt Thống, nhân dân thêm nông, lãnh thổ thêm rộng, nay đặt tên là Năm Nam, kể từ năm thứ 20 [Minh Mạng], hoặc gọi là Năm Việt Nam cũng nước..."(19)

Nhờ vậy vua Minh Mạng nhà thêm chớ "Năm" phía trước quốc hiệu nên biểu thù khí thế vớing vang mạnh mẽ của nước ta, và gọi ngắn gọn là Năm Nam. Quốc hiệu Năm Việt Nam hay Năm Nam con nước triều đình ta dung cho nên năm 1945, không thay ra khi nước ta bị Pháp thuộc (1884-1945), danh xưng cũ phần thay đổi.

Sau hớ oic 1884, nước ta bị chia thành ba phần: từ Ninh Bình trở ra gọi là Bắc Kỳ hay Tonkin; từ Thanh Hoá trở vào nên Bình Thuần gọi là Trung Kỳ hay Annam; từ phía nam Bình Thuần trở vào là Nam Kỳ hay Cochinchine.(20) Ba phần cũba nên hành chính khác nhau: Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp do viên Thống nước Pháp cai trị; Trung Kỳ do vua Việt Nam trực trị, không trên thớic tebein cảnh nên hành chính bản xứ cũ con cũ nên hành chính bản hớ cũ của Pháp; Bắc Kỳ theo quy cheba bớ hớing ve sau nước nhà trước tiếp dưới quyền của viên Thống sứ Pháp ở Bắc Kỳ. Cả ba phần nên nằm trong Liên bang Đông Dương do viên Toàn quyền Pháp hớing nhà.(21) Triều đình Huế vẫn coi nhân nước mình là nước Năm Nam vì tuy kỳ hớ oic 1884 chớu nên Pháp báic hoả không triều đình Huế vẫn coi nước ta là một nước thống nhất bắc, trung, nam. Về phía Pháp, khi giao thiệp với triều đình Huế ngóoi Pháp gọi nước ta là nước **An Nam** và vua nước ta là "Vua An Nam".

7.- VIỆT NAM VÀ CÁI QUỐC HIỆU MỚI

Theo chiến thắng của quân ta năm 1939. Nhà tiên quân qua Trung Hoa, Việt Nam và một số nước Đông Nam Á. Từ năm 1942, Nhà bắt đầu thất thế muốn lui quân. Để bảo vệ an toàn nông ruit quân, Nhà quyết định nhường chính quyền Đông Nam ngay 9-3-1945, lại chính quyền Pháp và liên tiếp trao trả quyền lập lại cho Việt Nam. Vua Bảo Đại (trò vì 1925-1945) công bố bản tuyên ngôn độc lập ngày 11-3, hủy bỏ liên hệ với Pháp, giải tán các cơ quan và tổ chức cũ, mời ông Trần Trọng Kim lập các văn kiện theo cách thức Tây Âu. Các văn kiện chính thức ra mắt ngày 17-4-1945 gồm các bộ Ngoại giao, Nội vụ, Kinh tế Tài chính, Giáo dục và Mỹ thuật, Tôn giáo, Thanh niên, Giao thông công chính, Y tế cứu tế. Bản tuyên chiếu ngày 3-5-1945 của vua Bảo Đại xác nhận quốc hiệu mới như sau:

"Chỗ Khanh,

"Các văn kiện chính phủ này của nước Việt Nam độc lập sau tám mươi năm thuộc quyền ngoại quốc thông qua..."

"...Hiện pháp tông lai của Việt Nam sẽ cần có sự hợp nhất quốc gia, quân dân công tác và quy định những quyền tự do, chính trị, tôn giáo và công nghiệp của nhân dân..."(22)

Nhờ thế tuy không chính thức công bố quốc hiệu nước độc lập mới, nhưng bản tuyên chiếu này đã làm việc nội bộ của ta lúc này là Việt Nam giống như thời vua Gia Long.

Từ năm 1945, sinh hoạt chính trị nước ta rất nhộn nhịp và phức tạp. Các biến chuyển diễn ra trong năm này là nền những quốc hiệu mới theo tông truyền lâu chính trị trong nội loạn luôn diễn ra trên căn bản hai tôn Việt Nam.

* **Việt-Nam Dân Chủ Cộng Hòa** : Ông Trần Trọng Kim làm thủ tướng không nước bao lâu thì quân Nhà bắt đầu hàng ngày 14-8-1945. Chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ. Trong khi lãnh tụ các đảng phái quốc gia chờ đợi tay kịp, thì một căn bản công sản lại **Hoà Chí Minh** và Mặt trận Việt Nam Độc Lập Đông Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) hoạt động mạnh mẽ cướp chính quyền tại Hà Nội ngày 19-8-1945. Tại Huế nhà sử Nhà không dùng quân Nhà để tan Việt Minh, nhưng vua Bảo Đại không chịu nổi tranh giành nội chiến. Ngày 25-8-1945, nhà vua tuyên bố thoái vị và theo lời yêu cầu của Mặt trận Việt Minh, và làm lễ thoái vị ngày 30-8 tại Cố Cung, hoàng thành Huế. Ngày 2-9-1945, tại Hà Nội, Hoà Chí Minh thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Quốc hiệu này phản ánh khuynh hướng chính trị của Mặt trận Việt Minh gồm nông công nhân hàng ngày và công sản, không vấn đề lo ngại về bản chất công sản nên lo ngại các thành phần khác trong xã hội.

* **Quốc Gia Việt Nam** : Sau khi thoái vị, cựu hoàng Bảo Đại nước Hoà Chí Minh mới ra Hà Nội làm cố vấn chính phủ không chỉ có tính cách làm vì, nên ngày 16-3-1946, cựu hoàng qua Côn Minh, đến Trung Khánh, và tháng 6-1946 đến Hồng Kông. Trong khi nội Pháp trở lại Việt Nam. Việt Minh liên hệ với Pháp thất bại, một cuộc kháng chiến chống Pháp từ ngày 19-12-1946.

Giữa hai thế lực Việt Minh và Pháp, lực lượng phát sinh một khuynh hướng chính trị mới ở khắp Bắc, Trung, và Nam phần Việt Nam, nên là khuynh hướng ngóai Việt tam thái liên minh với Pháp chống lại Việt Minh công sản. Cựu hoàng Bảo Đại làm nhân vật thích hợp nhất cho khuynh hướng này. Do những vấn đề của những nhân sĩ trong nước, do những hoạt động của chính cựu hoàng Bảo Đại, do nhu cầu của tình hình Việt Nam và thế giới, Pháp bắt buộc phải lựa chọn một giải pháp chính trị mới cho Việt Nam, và giải pháp này không ai toả hơn là cựu hoàng Bảo Đại. Cuối tháng 12-1947, cựu hoàng Bảo Đại đến Pháp thông thuyết. Ngày 5-6-1948, cựu hoàng về **vịnh Hải Long** chống kiến việc ký kết hòa ước trên chiến hạm Duguay Trouin, thây neo trong vịnh Hải Long, giữa hai phái ngoại Việt Pháp. Ngày đến Pháp là Emile Bollaert, Cao ủy Liên bang Đông Dương; về phía Việt Nam có các ông Nguyễn Văn Xuân, thủ tướng chính phủ làm thủ tướng nước Việt Nam, cùng ngày đến chính quyền ba miền: Nghiêm Xuân Thiển, Đảng Hữu Chí (Bắc Việt), Phan Văn Giáo, Nguyễn Khoa Toản, Ninh Xuân Quang (Trung Việt), và Trần Văn Hữu, Lê Văn Hoạch (Nam Việt). Trong hòa ước trên, Pháp thừa nhận Việt Nam đối xử với lãnh đạo của quốc gia Bảo Đại là một quốc gia độc lập nằm trong Liên Hiệp Pháp.(23)

Sau hòa ước Hải Long, quốc gia Bảo Đại tiếp tục qua Pháp và ký với tổng thống Pháp là Vincent Auriol hòa ước Ellysee (ngày Ellysee, Paris) ngày 8-3-1949, theo nội dung Pháp thừa nhận Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm ba miền Bắc, Trung và Nam Việt, có liên hệ ngoại giao, kinh tế tài chính, tôn giáo, giáo dục riêng, và các biệt Pháp hứa giúp đỡ Việt Nam xây dựng một quốc gia chống cộng do sự quan ngại Việt Nam liên chiến. Đây là tiền thân của quân lực Việt Nam Cộng Hòa sau này.(24) Nhờ vậy, qua hòa ước Ellysee, Pháp đã chính thức giải kết những hòa ước trước đây Pháp đã ký kết với nhà Nguyễn.

Sau thời kỳ *Ellysee*, nước ta có hai chính phủ và hai quốc hiệu khác nhau đồng thời cho hai khuynh hướng chính trị khác nhau. Chính phủ công sản Hồ Chí Minh với quốc hiệu là **Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa**, và chính phủ công cộng do quốc trưởng Bảo Đại đứng đầu với quốc hiệu là **Quốc Gia Việt Nam**.

Cũng sau thời kỳ *Ellysee*, các nước cộng sản Liên Bang Xô Viết và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa với vai trò nhân Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày 14-1-1950; trong khi đó ngày 7-2-1950, Hoa Kỳ và Anh Quốc thời nhân Quốc Gia Việt Nam.(25)

* **Việt Nam Cộng Hòa** : Chiến tranh Đông Dương chấm dứt năm 1954 với hiệp định *Geneve* ký kết ngày 20-7-1954 tại Geneve (Thụy Sĩ) giữa Pháp và các phe làm chiến tại Việt Nam, Ai Lao, và Cao Miên. Chính phủ Quốc Gia Việt Nam phải rời và không ký vào hiệp định,(26) những vấn đề tranh chấp chia tằm thời Việt Nam thành hai khu vực với hai thể chế khác nhau, lấy sông Bến Hải (Quảng Trị) làm ranh giới quân sự tạm thời.

Ở miền bắc với tuyên 17, nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa theo chế độ công sản, thủ đô là Hà Nội, nằm trong hệ thống công sản quốc tế. Ở miền nam với tuyên 17, ông Ngô Đình Diệm nước quốc trưởng Bảo Đại chế độ làm thủ đô đồng và chính thức chấp chính tại Sài Gòn ngày 7-7-1954. Với sự giúp đỡ của Hoa Kỳ thủ đô đồng Ngô Đình Diệm thời hiện cuối di cơ khoảng một triệu người bả ngoài Bắc muốn vào Nam nên cô, tiêu diệt các nhóm chống nã, và ổn định tình hình chính trị miền Nam. Năm 1955, thủ đô đồng Diệm tuyên bố chính phủ quốc gia không ký kết hiệp định *Geneve* nên không bị ràng buộc bởi điều 4 của hiệp định này, và nhiều quy định năm 1956 sẽ đồng tuyên bố thống nhất đất nước.(27) Ngày 23-10-1955, thủ đô đồng Diệm tổ chức trưng cầu dân ý là nã quốc trưởng Bảo Đại. Ngày 26-10-1955, ông tuyên bố thành lập nên Cộng Hòa tại miền Nam, trong đó ông làm tổng thống của nước **Việt Nam Cộng Hòa**, thủ đô là Sài Gòn.

Từ năm 1957, các lực lượng nam vùng của công sản cải lại ở miền Nam sau năm 1954, bắt đầu hoạt động trở lại, và càng ngày càng mạnh mẽ.(28) Ngày **20-12-1960**, Hà Nội tuyên bố thành lập **Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam** và chính phủ lâm thời **Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam** do luật sư Nguyễn Hữu Thọ đứng đầu. Mặt trận và chính phủ này hoàn toàn do Hà Nội điều khiển. Hà Nội gửi quân vào miền Nam, đối đầu danh nghĩa Mặt trận Giải phóng, nên thành Cộng Hòa Việt Nam Cộng Hòa.

* **Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam** : Quân nã công sản Bắc Việt tiến chiếm miền Nam tháng 4-1975. Lúc này chính phủ Hà Nội nắm thời quyền trên toàn quốc, tuy nhiên duy trì chính phủ bù nhìn làm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Cải hai chính phủ cùng xin gia nhập Liên Hiệp Quốc, nhưng bị quốc tế khước từ.

Năm 1976, ông Trường Chinh (1909-1988), đang làm Chủ tịch Quốc hội Cộng sản Bắc Việt, cảm nã phải hoàn Hà Nội vào Sài Gòn ban chuyên "*hiệp thông*" với chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, tiến hành việc "*thống nhất nước nã về mặt nã nước*". Việc làm này chế độ tính cách hình thức. Kết quả của hội nghị là sự ra đời của quốc hiệu mới là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, thủ đô nã tại Hà Nội.

Phát sinh từ sự cộng chiếm miền nam Việt Nam về quân sự và chính trị của công sản Hà Nội, **quốc hiệu mới này không nước toàn dân chấp nhận**. Tuyên này nã sự dân chúng phải nã chính sách nã tại của công sản. Những người có nhiều kiến thức tìm cách thoát khỏi Việt Nam, ra nước ngoài tìm nã sinh sống khắp thế giới. Số lượng Việt kiều ở hải ngoại hiện nay lên đến khoảng hai triệu người, càng ngày càng trở thành một lực lượng quan trọng. Hy vọng một ngày kia, lực lượng này sẽ cùng với dân chúng trong nước tranh nã thay nã thể chế chính trị tại Việt Nam. Nội nhõ thể chế nã là **roã một ngày kia nước ta sẽ có quốc hiệu mới nã**.

CHÚ THÍCH :

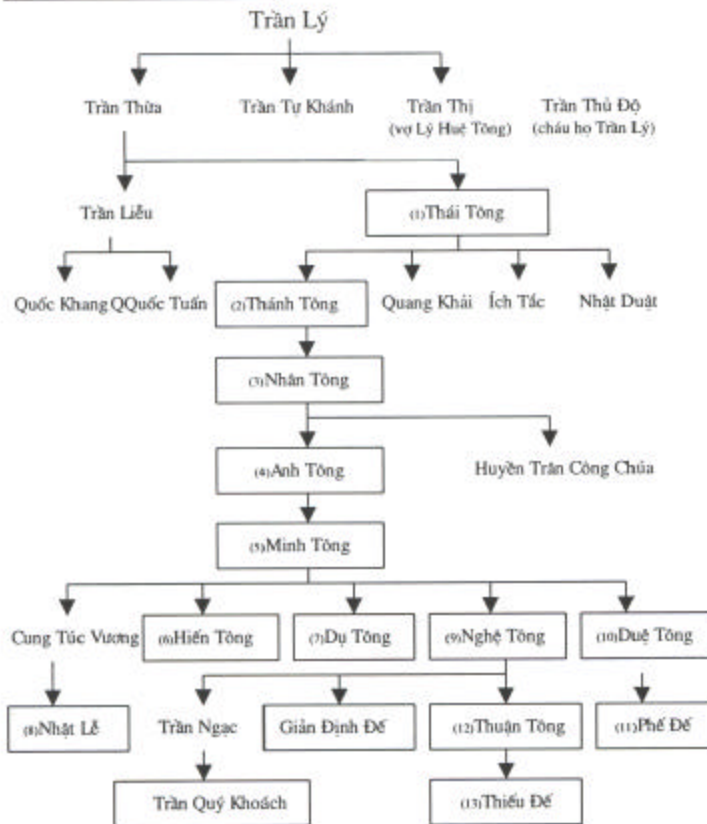
1. *VNSL tr 89.*
2. Nào Duy Anh, *Nhìn nước Việt Nam qua các đời*, Thuận Hoá (in lần đầu tiên), Huế 1997, tr. 21. Nguyễn văn câu viết của *Hải Hân thơ* : "...*Viên hải kỳ, thiên biệt danh Mai chính Giao Chi, nã Lạc Việt nãng có nã chủ vi mai thời...*" (...*Viên cõi ngoài giới nên có biệt danh là Mai khi sang nãnh Giao Chi, ông lãm nước trong nãng Lạc Việt bên nã hình ngoài...*) (Nguyễn Phông, *Việt Nam thời khai sinh*, Phong nghiên cứu Sử Việt nã học Huế 1965, tr. 130.)
3. Keith Weller Taylor, *The Birth of Vietnam*, University of California Press, 1983, tr. 281. Tác giả là một cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam. Sách này nguyên là luận án tiến sĩ ông trình bày tại nã học Michigan năm 1976, sau nã ông sửa chữa và khai triển viết lại thành sách này.
4. Nào Duy Anh, "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam" trong *Lịch sử Việt Nam*, Nguyễn Phông trích dẫn, *sđ*. tr. 158.
5. Cũng nhõ sau này những nhã lập quốc Hoa Kỳ nã là chim nã bang nãu bả (bald eagle) làm biểu tượng quốc huy.

6. Nguyễn Phông, *sđd.* tr. 333.
7. "Theo Năm Thanh nhất thống chí, trấn Hải Môn ở cách 15 dặm về phía tây huyện Bắc Bạch thuộc châu Uất Lâm bảy giờ xa kia lại ở ngoài biển nam An Nam. Cao Biền luyên tập quân lính ở ngoài biển tiến quân lấy lại An Nam. Cùng với bao Hải Môn ở trấn Hải Đông, rồi lại nhận làm chôn hải môn lại nói của biển mà Ngô Quyền trong cốc nên anh Hoàng Thập." (Lời của của CM tr. 156)
8. CM tt. 162-163.
9. Nguyễn Phông trích dịch, *sđd.* tt. 333-334.
10. Tài Trung Hoa, sau khi nhận hàng Tây Sơn Bại Vôong Hàng Voi Lồ Bang lên làm vua tức Hải Cao Toà (trừ vì 202-195 tr. CN), lập ra nhà Hải (202 tr. CN-220), "vua thay nhà Tần vì bồi chei nôiphong kiến mà thanh cói lập, nên nó mất nước, nhà Chu thì phong cho nhiều chỗ hầu quai thanh sau chính phui trung ông không thông trừ nó mà trở lại bị hơi khuy nh nã, nên vua kiếm dung cai phong kiến lại quân huyện; phong cho hơi hàng và cai công thanh làm vôong thanh ở cai yeu nã, nãt con lai thì chia ra làm quân huyện. Ấy lai chei nôiphong "quân quốc"... (Phan Khoang, Trung Quốc sử côong, Sài Gon, 1958, Năm Nam, Hoa Ky tại ban không nên năm, tr. 68)
11. Tô Đức nhai Nguyễn nói: "Phép nãt tên thủy, lúc sinh thời làm nước sỡ nghiệp to tại hay lai nhoi môn thì lúc mất tên thủy cũng theo nhõ vậy. Khi tiến quân chõa coi tên thủy, mất tên quân (vua nói ngoi) nãi tên ngoi, khi hai thanh xong ho ãn coi phân biệt; vì vậy gọi lai Năm hanh". (Việt sử thông giám côong mục, bản dịch của Nxb. Văn Sử Nã, Hải Nõ 1958, tr. 248.) Trong Nho văn, chữ "hanh" cũng một cách viết, coi hai âm (hanh và hành) và hai nghĩa (nĩ và nhĩ): "Năm hanh" coi nghĩa lai nĩ xa, ho ãn coi coi nghĩa lai coi nhĩ hành to, coi danh lớn. Lê Hoàn không coi tên thủy. Khi ông trị trấn năm át tĩ (1005), con lai Long Việt lên nói ngoi. Triệu nĩn lúc nũ theo cách trên, gọi Lê Hoàn lai "Năm hanh hoàng nãt". Nhõ thế danh xõng "Năm hanh" ãng lai chei gọi tãm một thời gian, nhõng vì sỡ sai cách viết luôn thanh thời quen gọi Lê Hoàn lai Lê Năm Hanh.
12. Ngô Thời Sĩ Việt sử tiếu ãn, bản dịch của Ho ã Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Ho ã Ái Châu, Văn Sử tại ban, San Jose 1991, tr. 153.
13. CM tr. 676, lời của.
14. Gia nĩn Ho ã Quy ã Ly bị quân Minh bắt mà không giết vì nhõng ngõoi con nãu lai Ho ã Nguyễn Trõng coi tại về coi nghe nước nhai Minh trong dung. Theo Lê Quy ã Nõn trong sách Văn nãi lai ngoi trích dẫn sách Coi thũ biếu năm thì Ho ã Nguyễn Trõng nước vua Minh phong làm Ho ã boi thông thõ. Lê Quy ã Nõn cũng trích dẫn Minh sử nói rằng Ho ã Nguyễn Trõng làm Bình boi thông thõ. (Văn nãi lai ngoi Phạm Vu ã Lê Hi ãn dịch và chú giải, Tõ Lõc tại ban tại Hoa Ky tt. 238-239).
15. Nhà Minh không phong cho Lê Thái To ã làm "An Nam quốc vôong" mà chei thu ãn phong "Quy ãn giõ vi ãt nước An Nam", coi thế vì nhai Minh con tõi gian vi ãt Lê Thái To ã ãnh nũo quân Minh năm 1428, làm tan luôn giãt mõing banh trõng ãe quốc xõng vung Nõng nam Ái cũng coi thế nhai Minh muõn giãt ãp lõc với Lê Thái To ã ho ã chia rẽ giõ nhai Lê với dong hơi nhai Trãn, ãe chõo coi hơi ãm lãng trõ lai.
16. VNSL tt. 418-419. **Việt Thõng:** coi hai truyện thuy ãt về chõo Việt Thõng: (1) Việt Thõng Thũ lai tên nước thời coi ở phía nam Trung Hoa, ãm ru ã thanh sang tãng vua Nõng Nghi ãu (2357-2258 tr. CN), và năm 1110 tr. CN ãm tãng vua Thanh Vôong nhai Chu chim trõ trang. (2) Hung Vôong, con của Lạc Long Quân và bà Âu Cõ dong nước lai Văn Lang, chia nước làm 15 bộ trong ão coi coi Việt Thõng, nước cai tại giãt CM phong ão ãn năm khoảng vung cai thanh Quang Trõ, Thõa Thi ãn và Quang Nam ngày nay. (TT1 tr. 131, CM tt. 53-55)
17. Gần nãy, coi tại giãt cho rằng *Dõ ãn chí* của Nguyễn Trãi và *Văn nãi lai ngoi* của Lê Quy ã Nõn ãn ãn ãn ãn quốc hiếu Việt Nam tõi trõo ãi thời Gia Long. *Dõ ãn chí* coi 54 mục, Nguyễn Trãi hai lần viết chõo "Việt nam" ở mục số 2 và số 13. *Văn nãi lai ngoi* coi 9 quy ãn nói về 9 lai. Quy ãn thõ 3 lai "Khu vu ã lai", coi 90 mục. Mục thõ 43 của quy ãn 3 nhã ãn chõo "Việt nam", chõo ão ãi quốc hiếu "Việt Nam". Cai hai sách nãy ãu cai coi trên boi "sõ củ", nghĩa lai cai coi trên boi *Nãi Việt sử ky to ãn thõ*, nhõng *To ãn thõ*, và cai boi *An nam chí lõc*, *Việt sử tiếu ãn*, *Cõng mục*, ho ãn to ãn không coi ãn ãn ãn quốc hiếu Việt Nam. Trong chõo Nho, "Việt" coi nghĩa lai "võ ãt", "nam" lai "hõng nam". **Nguyễn Trãi và Lê Quy ã Nõn dung chõo "Việt nam" coi thế theo nghĩa ho ã: "ti ãn" về phía nam, ho ã nước Việt hay ngõoi Việt ở phõng nam, chõo ão ãi ãi một nước coi tên lai Việt Nam. Khi giõ thũ Tõ Hải, Nguyễn Du viết: "Nõi trõi ãp ãt ãi ãi / Hõi Tõ tên Hải võn ngõoi Việt ãng" (Truyền Kieu, câu 2171, 2172). Chõo "Việt ãng" của Nguyễn Du không phải lai tên nước. (bản dịch *Dõ ãn chí* của Nguyễn Trãi ãng trong *Nguyễn Trãi to ãn tập*, Uy ãn Khoa hõc Xã hõi, Hải Nõ 1976; *Văn nãi lai ngoi* của Lê Quy ã Nõn do Phạm Vu ã và Lê Hi ãn dịch và chú giải, Sài Gon 1972, Tõ Lõc, Hoa Ky tại ban.) Chõo "Việt" coi coi nghĩa lai "võ ãt" hay "ti ãn"; "Việt nam" lai võ ãt (ti ãn) xõng phía nam.**
18. Nõ Bang, Nguyễn Minh Tôong, *Chãn dung cai vua Nguyễn*, tập 1, Nxb. Thu ãn Ho ã, 1996, tr. 39.
19. *Thũ phã* tr. 241, phần chú thích.
20. Tonkin: phiên âm tõi chõo Nõng Kinh. Annam: phiên âm tõi chõo An Nam. Cochinchine: một tõi ghep hai chõo Cochín và Chine (Trung Hoa) do ngõoi Âu tã ã ã ra, ãe chei Nam Ky mà hơi cho rằng năm giõ Cochín và Trung Hoa. Cochín lai tên thanh phõ ãi tiếu bang Kerala, Ái Nõ trên bờ biển Malabar. Cochín liên tiếp bị cai trõ bởi Bồ Nã Nha (1502-1663), Ho ã Lan (1663-1795), và Anh (1795-1947).
21. Liên bang Nõng Đông nước thanh lập năm 1887 gồm coi Ba Ky Trung Ky Nam Ky và Cao Mi ã. Năm 1900 coi thêm Quang Chãu Loan (tõ giõ Pháp ở Trung Hoa) và năm 1907 thêm Ai Lao.

22. Nghiem Kei Toai *Việt Nam màu lửa*, Xuân Thu, Hoa Kỳ tái bản 1989, tr. 33.
23. Nguyễn Ninh Tuyền, *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975*, Houston, Texas, 1995, tr. 16.
24. Nghiem Kei Toai *sđd.* tt. 147-152.
25. Nguyễn Ninh Tuyền, *sđd.* tr. 17.
26. Tuyền ngôn ngày 21-7-1954 của phái đoàn Quốc Gia Việt Nam tham đời hội nghị Geneva.
27. Nguyễn Ninh Tuyền, *sđd.* tr. 37.
28. Trong quy 4 năm 1957, coi 30 vui khưng bó của công sản, trong 75 nhân viên hành chánh Việt Nam Cộng Hoà bị am sát hay bị bắt cóc mất tích. (Nguyễn Ninh Tuyền, *sđd.* tr. 46)

QUỐC HIỆU	NĂM	NGŨÔNG NẾP
Nểi Cờ Việt	968 (mầu thìn)	Ninh Tiệi Hoang
Nểi Việt	1054 (giáp ngoi)	Ly Thành Tông
Nểi Ngu	1400 (canh thìn)	Hoà Quy Ly
Nểi Việt	1428 (mầu thản)	Le Thái Toai
Việt Nam	1804 (giáp ty)	Gia Long
Nểi Nam	1838 (mầu tuất)	Minh Mãng
Việt Nam	1945 (ất dậu)	Báo Nểi

THẾ PHỔ NHÀ TRẦN



Sở-nữ "THE PHỔ NHÀ TRẦN, dung với TIỆT 4 - QUỐC-HIỆU NƯỚC VIỆT", Giáp-sở Trần Gia-Phung.

Trần Quốc Toàn và Trần Khánh Dư là tôn thất nhà Trần. Trần Khánh Dư còn là con nuôi của Trần Thánh Tông (*Thơ văn Lý Trần*, tập 2, q. thượng, Nxb. Khoa học Xã hội Hà Nội, 1989, tr. 597).
 Trần Khắc Chung nguyên tên là Đỗ Khắc Chung (*Cương mục* bản dịch tr. 500).
 Trần Bình Trọng họ Lê, đồng đội Lê Hoàn (*Cương mục*, bản dịch tr. 511).

a a